

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HC-ST  
Ngày 04-7-2023  
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Hữu Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Vẹn

Ông Thạch Khmau

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Chí Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần trụ sở Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh vụ án hành chính thụ lý số 06/2022/TLST-HC ngày 16 tháng 11 năm 2022 về khiếu kiện quyết định hành chính, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HC ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Võ Đức T, sinh năm 1967; địa chỉ: Số C Đ, khóm A, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt tại điểm cầu Tòa án nhân dân thị xã D).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Đức T:** Luật sư Nguyễn Tấn L, Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt tại điểm cầu Tòa án nhân dân thị xã D)

**- Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ: Số A, đường C thág B, khóm A, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

**Người đại diện theo pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D:** Ông Nguyễn Trọng N – Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã D.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng N:** Ông Nguyễn Văn L1, Phó Chủ tịch UBND thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Văn bản ủy quyền ngày

02/02/2023) (có mặt tại điểm cầu Ủy ban nhân dân thị xã D).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ: Số A, đường C tháng B, khóm A, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Trọng N – Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã D

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng N:* Ông Nguyễn Văn L1, Phó Chủ tịch UBND thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Văn bản ủy quyền ngày 02/02/2023) (có mặt tại điểm cầu Ủy ban nhân dân thị xã D)

2. Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1967 (xin xét xử vắng mặt)

3. Chị Võ Thị Trang Đ, sinh năm 1993 (xin xét xử vắng mặt)

4. Chị Võ Thị Tuyết Đ1, sinh năm 1994 (xin xét xử vắng mặt)

5. Chị Võ Thị Xuân Đ2, sinh năm 2006 (xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số C Đ, khóm A, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, còn có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Tấn Đ3 – Cán bộ công nghệ thông tin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Vĩnh L2 – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Bà Kiều Thị Thanh T1 – Cán bộ Công nghệ thông tin của Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Võ Đức T trình bày:* Vào ngày 01/8/1995 hộ gia đình ông được cấp quyền sử dụng đất tại thửa 708, tờ bản đồ số 9, diện tích 570m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là khóm A, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh) trên đất ông T có xây dựng căn nhà sinh sống ổn định. Năm 2000 Nhà nước thực hiện đo đạc thửa đất 167 liền kề với thửa đất 708 để thu hồi đất và bồi thường giá trị đất do thu hồi xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện D, khi đo đạc nhà nước xác định phân giáp ranh đất giữa 02 thửa đất 167 và thửa 708 chiều ngang 2m x chiều dài 10,6m bằng 23,32m<sup>2</sup> Nhà nước không sử dụng nên trả cho gia đình ông sử dụng, ông đã xây dựng hàng rào giáp với thửa đất số 167. Như vậy, thửa đất số 708 có tăng thêm khoảng 23,32m<sup>2</sup>.

Năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện D thu hồi một phần diện tích 44,6m<sup>2</sup> nằm trong diện tích 570m<sup>2</sup> của thửa 708 để làm đường 19/5, diện tích còn lại là

525,4m<sup>2</sup>. Năm 2014, ông làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 708. Ngày 28/8/2014 Ủy ban nhân dân thị xã D cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông đổi thửa 708 thành thửa 156, tờ bản đồ số 10, diện tích chỉ còn 276,6m<sup>2</sup>. Phần diện tích bị giảm 248,8m<sup>2</sup> không được cấp quyền sử dụng đất, hiện gia đình ông vẫn đang sử dụng không ai tranh chấp và cũng không nhận được quyết định thu hồi đối với diện tích bị giảm này. Ngày 22/7/2020 Ủy ban nhân dân thị xã D ra Quyết định số 1351/QĐ-UBND thu hồi diện tích 5,6m<sup>2</sup> đất của hộ gia đình ông là không đúng thực tế diện tích bị thu hồi và ông T chưa nhận được bản chính của quyết định mà chỉ nhận được bản photocopy. Ngày 07/5/2021, ông T gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D yêu cầu thu hồi Quyết định số 1351/QĐ-UBND do diện tích diện tích đất thu hồi không đúng thực tế bị thiệt hại, đồng thời yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành quyết định thu hồi đúng diện tích thực tế mà gia đình ông đã bị thiệt hại và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Ngày 20/01/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Công văn số 182/UBND-NC nội dung trả lời UBND thị xã D đã ban hành Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1351/QĐ-UBND. Đối với yêu cầu bồi thường diện tích 248.8m<sup>2</sup> do thực hiện dự án đường Đ, Chủ tịch UBND thị xã D không xem xét giải quyết. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Công văn số 182/UBND-NC ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND thị xã D.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Văn L1 trình bày:* Thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Đ, Phường A, thị xã D, Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Thông báo số 88/TB-UBND ngày 25/5/2019 dự kiến thu hồi đất của hộ ông T tại thửa 156 diện tích khoảng 0,1m<sup>2</sup> (chưa thực hiện đo đạc, kê biên). Ngày 22/7/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã D có Tờ trình số 121/TTr-PTNMT về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Đ, Phường A, thị xã D; diện tích đất thu hồi của ông Võ Đức T là 5.6m<sup>2</sup> (sau khi đã đo đạc, kê biên) cùng ngày 22/7/2020, Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số 1351/QĐ-UBND thu hồi diện tích 5,6m<sup>2</sup> thuộc một phần của thửa 156, tờ bản đồ số 10, loại đất ODT của hộ ông Võ Đức T.

Ngày 23/7/2020, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành Quyết định số 06/QĐĐ- HĐBTHT&TĐC, bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Võ Đức T số tiền là 117.286.280 đồng (bồi thường về đất 36.624.000 đồng, cây ăn trái 80.000 đồng, kiến trúc 80.582.280 đồng). Vào các ngày 29/7/2020, 18/8/2020, 25/8/2020, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành các Thông báo số 01, 02, 03 chi trả tiền bồi thường, gửi cho hộ ông Võ Đức T nhưng ông không nhận, ngày 28/8/2020, UBND thị xã D tổ chức đối thoại với hộ ông T về việc ông T không đồng ý giao đất để triển khai thực hiện công trình, hộ ông T vẫn không đồng ý giao

đất và nhận tiền bồi thường. Do đó để đảm bảo tiến độ thi công đúng thời gian quy định. Ngày 14/10/2020, Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số 1910/QĐ-UBND điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công dự án. Sau khi điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công thì diện tích đất thu hồi của hộ ông Võ Đức T và 01 hộ dân khác không còn nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng thi công công trình. Ngày 15/10/2020, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có Tờ trình số 07/TTr-HĐBTHT&TĐC về việc xin điều chỉnh một số nội dung tại khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 1308/QĐ-UBND, ngày 22/7/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã D về phê duyệt thay đổi Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Võ Đức T, từ kinh phí bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt 117.286.280 đồng xuống thành 0 đồng. Ngày 27/10/2020, Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số 1954/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung tại khoản 3, Điều 1 Quyết định số 1308/QĐ-UBND đối với hộ ông Võ Đức T từ 117.286.280 đồng xuống thành 0 đồng. Sau khi thực hiện Quyết định số 1954/QĐ-UBND, ngày 27/10/2020 của UBND thị xã D, ngày 09/6/2021, Ủy ban nhân dân thị xã D có nhận được đơn khiếu nại của ông Võ Đức T khiếu nại yêu cầu thu hồi Quyết định số 1351/QĐ-UBND, ngày 22/7/2020 của UBND thị xã D do đất bị thu hồi, bồi thường không đúng diện tích thực tế; yêu cầu UBND thị xã D phải đo đạc và tiến hành bồi thường diện tích thực tế cho gia đình ông vì sử dụng ổn định đất từ nhiều năm nay.

Qua xác minh và kết quả kiểm tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Công văn số 182/UBND-NC, ngày 20/01/2022 trả lời khiếu nại của ông T với nội dung Ủy ban nhân dân thị xã D đã ban hành Quyết định số 1955/QĐ-UBND, ngày 27/10/2020 thu hồi, hủy bỏ quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/7/2020, nên không có cơ sở để thực hiện đối với yêu cầu của ông T. Đối với yêu cầu đo đạc và tiến hành bồi thường diện tích thực tế do gia đình sử dụng ổn định từ nhiều năm nay. Qua kết quả xác minh, khảo sát thực tế ngày 17/8/2021 diện tích đất ông Võ Đức T yêu cầu bồi thường, hỗ trợ thuộc đất quy hoạch giao thông do nhà nước quản lý nằm ngoài diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Đức T vào năm 2004 (cấp lần đầu) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp lại) cho ông Võ Đức T vào năm 2014, theo quy định tại khoản 1, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 hộ ông Võ Đức T không đủ điều kiện để xem xét giải quyết. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức T.

Ủy ban nhân dân thị xã D thống nhất với ý kiến và phần trình bày của ông Nguyễn Văn L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim P, chị Võ Thị Trang Đ, chị Võ Thị Tuyết Đ1, chị Võ Thị Xuân Đ2 thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông Võ Đức T.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Xét thấy khi ban hành Quyết định 1351/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 Ủy ban nhân dân thị xã D không thực hiện tổng đạt cho ông T mà ông T chỉ nhận được Quyết định này bản photocopy từ Văn phòng đăng ký đất đai của thị xã D nên từ đó ông T mới biết mà khiếu nại do đó về trình tự thủ tục chưa đúng quy định của Luật khiếu nại, khi thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông T theo quy định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D phải ban hành Quyết định giải quyết nhưng lại ra công văn giải quyết là chưa đúng khoản 8 điều 11 của Luật khiếu nại. Thửa đất 708 diện tích 570 m<sup>2</sup> có nguồn gốc của ông bà ông T để lại, ông T sử dụng từ xưa cho đến nay khi nhà nước thu hồi đất của ông T 44,6 m<sup>2</sup> để làm bệnh viện, mở rộng đường 19/5 cũng không ra Quyết định thu hồi đất và bồi thường cho ông T. Năm 2014 khi thực hiện cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T thì diện tích còn lại 276,8 m<sup>2</sup> diện tích bị giảm 248,6 m<sup>2</sup> không có quyết định thu hồi và phần đất này vẫn còn hiện diện liền kề với thửa 156 của ông T được cấp quyền sử dụng đất sau này là thiếu sót. Vì vậy, việc ông T yêu cầu hủy Công văn số 182/UBND-NC, ngày 20/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D là hoàn toàn có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T hủy Công văn số 182/UBND-NC, ngày 20/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D, buộc Ủy ban nhân dân thị xã D phải bồi thường thiệt hại cho ông T 248,6 m<sup>2</sup> do đã thu hồi làm đường.

*Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:* Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Người khởi kiện, người bị kiện, người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính 2015.

Ông Võ Đức T khởi kiện yêu cầu hủy công văn số 182/UBND-NC, ngày 20/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D, yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã D phải bồi thường thiệt hại diện tích 248,6 m<sup>2</sup> cho ông do đã thu hồi làm đường, công văn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D có nội dung giải quyết đến yêu cầu bồi thường giá trị đất của ông T do bị thu hồi, nên thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, về thời hiệu khởi kiện vẫn còn trong thời hạn 01 năm nên Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ông T có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch ủy ban nhân dân yêu cầu hủy bỏ quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã D. Theo quy định tại điều 31 của Luật khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D phải ra quyết định giải quyết khiếu nại, nhưng Chủ tịch UBND thị xã D lại ra công văn số 182 giải quyết là chưa đúng theo quy định, nhưng nội dung của công văn là giải quyết khiếu nại của ông T về yêu cầu bồi hoàn đất do bị thu hồi làm

đường nên công văn số 182 được xem như quyết định hành chính. Xét về yêu cầu của ông T nhận thấy thực hiện đề án số 24 về việc nâng cấp mở rộng đường Đ thuộc phường A, thị xã D theo Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã D thì đất của hộ ông T bị thu hồi là 5,6m<sup>2</sup> tổng giá trị được bồi thường là 117.286.280 đồng, xét nguồn gốc đất của ông T được cấp vào năm 1995 là cấp đại trà, sau đó năm 2014 khi thực hiện cấp đổi lại đất cho ông T theo bản đồ chính qui có đo đạc cụ thể thì diện tích còn lại 276,8m<sup>2</sup> ông T không có khiếu nại hay tranh chấp gì với các hộ xung quanh. Như vậy việc ông T cho rằng đất của ông bị nhà nước thu hồi 248,6m<sup>2</sup> làm đường là không có cơ sở vì thực tế cũng như lời khai ông tại phiên tòa ông chỉ sử dụng trên 200m<sup>2</sup>. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức T, buộc ông T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Đức T khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 182/UBND-NC ngày 20/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, nhưng nội dung của công văn có giải quyết khiếu nại đối với yêu cầu bồi thường đất bị thu hồi của ông T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Công văn số 182/UBND-NC ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND thị xã D, tỉnh Trà Vinh là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/01/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Công văn số 182/UBND-NC về việc trả lời đơn yêu cầu của Võ Đức T, đến ngày 02/3/2022 ông Võ Đức T khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy văn bản trên. Xét thời gian từ khi ban hành Công văn số 182/UBND-NC đến khi ông T nộp đơn khởi kiện ra Tòa án là còn trong thời hạn 01 năm, do đó yêu cầu khởi kiện của ông T vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính được Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết.

[4] Thẩm quyền ban hành Quyết định: Ngày 07/5/2021, ông Võ Đức T làm đơn khiếu nại đối với Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã D gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D yêu cầu xem xét diện

tích đất bị thu hồi không đúng, nên việc bồi thường không đúng với diện tích thực tế, yêu cầu UBND thị xã D đo đạc, bồi thường đúng diện tích đất thực tế do gia đình ông T sử dụng ổn định từ nhiều năm. Ngày 20/01/2022, Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Công văn số 182/UBND-NC trả lời không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông T nên đây được xem là quyết định hành chính: Căn cứ vào khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại Chủ tịch UBND thị xã D trả lời cho ông T tại Công văn số 182/UBND-NC là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về thời hạn giải quyết khiếu nại: Theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý. Việc Ủy ban nhân dân thị xã D thụ lý giải quyết khiếu nại từ ngày 04/10/2021 nhưng đến ngày 20/01/2022 Chủ tịch UBND thị xã D mới ban hành công văn trả lời ông T là trễ hạn 01 tháng 16 ngày so với quy định. Tuy nhiên, việc trễ hạn này không làm ảnh hưởng đến nội dung của vụ việc.

[6] Về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại: Sau khi thụ lý đơn khiếu nại của ông T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D đã tiến hành thành lập tổ xác minh nội dung khiếu nại, thu thập tài liệu. Thể hiện ngày 27/10/2020, Ủy ban nhân dân thị xã D đã ban hành Quyết định số 1955/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã D trước khi ông T nộp đơn khiếu nại Công văn 182/UBND-NC. Do đối tượng khiếu nại của ông T đối với quyết định 1351 là không còn. Quá thời hạn 30 ngày nhưng ông T không có khiếu nại đối với Quyết định số 1955/QĐ-UBND. Từ đó cho thấy, các quyết định 1351, 1955 của UBND thị xã D không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D trả lời ông T bằng công văn số 182 là đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của ông T được quy định tại các Điều 11, 29 Luật Khiếu nại 2011.

[7] Về yêu cầu của ông T: Ông T cho rằng nội dung của Công văn số 182/UBND-NC ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND thị xã D trả lời ông là không đúng vì: Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND thị xã D thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Đ, phường A, thị xã D bồi thường đất cho ông T không đúng diện tích thực tế thu hồi và ông yêu cầu UBND thị xã D phải đo đạc, tiến hành bồi thường diện tích thực tế do gia đình sử dụng ổn định từ nhiều năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy:

Thứ nhất về nội dung của Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND thị xã D thu hồi 5,6m<sup>2</sup> diện tích đất của hộ ông T để thực hiện Dự án Đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Đ, phường A, thị xã D, ông T đã nhận được quyết định, biết rõ nội dung quyết định ảnh hưởng đến quyền lợi của mình nên ông

T khiếu nại Quyết định trên là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên do ông T không chấp nhận giao đất, nhận tiền bồi hoàn, sau khi ban hành quyết định số 1351/QĐ-UBND thì Ủy ban nhân dân thị xã D có chủ trương xin điều chỉnh quy hoạch lại tuyến đường Đ thì đất của ông T không nằm trong dự án làm đường nên ngày 27/10/2020 UBND thị xã D đã ban hành quyết định số 1955/QĐ-UBND thu hồi quyết định số 1351/QĐ-UBND. Do đó Quyết định 1351/QĐ-UBND đã được thu hồi, hủy bỏ trước khi ông T có đơn khiếu nại, nên nội dung trả lời của Chủ tịch UBND thị xã D tại công văn 182 là có cơ sở đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai, việc ông T yêu cầu UBND thị xã D phải đo đạc lại và tiến hành bồi thường đối với diện tích đất thực tế bị thu hồi 248,8m<sup>2</sup> gia đình sử dụng ổn định từ nhiều năm nay xét thấy: Ngày 25/4/1995, ông Võ Đức T đã làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, thời gian này người dân kê khai cấp quyền sử dụng đất theo hình thức đại trà, chưa có tư liệu sơ đồ chính quy thể hiện vị trí đất. Ngày 01/5/1995 ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 708, diện tích 570m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 09. Ông T sử dụng ổn định diện tích đất khoảng trên 200m<sup>2</sup> như theo lời ông T trình bày tại phiên tòa là đúng thực tế. Ngày 11/02/2004, ông T làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ông kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất diện tích 214,1m<sup>2</sup>, đến ngày 28/8/2014 hộ ông T được Ủy ban nhân dân huyện D cấp đổi lại thửa 708 chuyển thành thửa 156 diện tích 276,6m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 10, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất ông T được cấp giảm 248,8m<sup>2</sup> so với diện tích đất ban đầu ông T được cấp vào năm 1995, ông T không có khiếu nại hay tranh chấp mà vẫn sử dụng ổn định. Theo tư liệu cấp đất thể hiện diện tích 570m<sup>2</sup> mà ông T được cấp lần đầu vào năm 1995 cấp trùm qua phần đất thuộc thửa 165 diện tích 88,9m<sup>2</sup> của bà Huỳnh Thị N1, thửa 615 diện tích 176,5m<sup>2</sup> của bà Nguyễn Thị Á đó là cơ sở mà khi cấp lại quyền sử dụng đất vào năm 2014 ông T không có khiếu nại và tranh chấp với hai hộ này.

[8] Tại công văn số 323/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 10/5/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T cung cấp kết quả khảo sát diện tích đất thực tế, xác định diện tích đất ông T yêu cầu theo tư liệu năm 1999, 2000 đều thể hiện diện tích đất thu hồi làm đường Đ thuộc đất quy hoạch giao thông do nhà nước quản lý, nằm ngoài diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Đức T vào năm 2004 (cấp lần đầu) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp lại) cho hộ ông Võ Đức T vào năm 2014. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì hộ ông Võ Đức T không đủ điều kiện để được bồi thường. Vì vậy, Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Công văn số 182/UBND-NC không chấp nhận yêu cầu bồi thường, hỗ trợ của ông T là đúng theo quy định của pháp luật.

[9] Xét về tính hợp pháp của Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của UBND thị xã D. Nhận thấy, ngày 14/10/2020, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 1910/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công dự án “Nâng cấp, mở rộng đường Đ, phường A, thị xã D”. Sau khi điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công thì diện tích đất thu hồi của hộ ông Võ Đức T và 01 số hộ dân khác không còn nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng thi công công trình. Ngày 27/10/2020, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 1954/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung tại khoản 3 Điều 1, Quyết định số 1308/QĐ-UBND, ngày 22/7/2020 đối với hộ ông Võ Đức T. Thực hiện quyết định số 1954/QĐ-UBND, ngày 27/10/2020 UBND thị xã D ban hành Quyết định số 1955/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND thị xã D đối với hộ ông Võ Đức T. Từ đó cho thấy UBND thị xã D ban hành Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 là thực hiện đúng quy định pháp luật.

[10] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là không phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần tranh luận tại phiên tòa và phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Từ các phân tích trên xét thấy việc ông Võ Đức T khởi kiện yêu cầu Công văn số 182/UBND-NC ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND thị xã D, tỉnh Trà Vinh là không có cơ sở chấp nhận.

[13] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 9.343.000 đồng. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức T không được Tòa án chấp nhận nên ông T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 358 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[14] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên ông Võ Đức T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính 2015.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điều 28, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 206, khoản 1 Điều 348, Điều 358 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Công văn số 182/UBND-NC ngày 20/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Võ Đức T phải nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 9.343.000 đồng (chín triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng) nhưng trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông T đã nộp là 9.343.000 đồng, ông T đã nộp đủ.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Buộc ông Võ Đức T phải nộp tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng trừ vào số tiền ông T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014515 ngày 16/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, ông T đã nộp đủ.

4. Về thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Hữu Bình**